**PHỤ LỤC XII**

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ (6 THÁNG HOẶC CẢ NĂM)  
*(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)*

Đơn vị báo cáo: (ghi tên cơ sở)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Địa chỉ: | Mã huyện, quận1: |  |  |  |  |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG  
Kỳ báo cáo (6 tháng hoặc cả năm) ...năm ...**Ngày báo cáo: ………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc loại hình cơ sở 2(doanh nghiệp): ……………..    Mã loại hình cơ sở: |  |  |  |  |

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lĩnh vực sản xuất chính của cơ sở: ………3…………………. Mã lĩnh vực: |  |  |  |  |

Tổng số lao động của cơ sở: …………. người, trong đó nữ: ………… người

Tổng quỹ lương: …………. triệu đồng

**I. Tình hình chung tai nạn lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu thống kê** | **Mã số** | **Phân loại TNLĐ theo mức độ thương tật** | | | | | | | | | | |
| Số vụ ( Vụ) | | | Số người bị nạn (Người) | | | | | | | |
| Tổng số | Số vụ có người chết | Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên | Tổng số | | Số LĐ nữ | | Số người chết | | Số người bị thương nặng | |
| Tổng số | Nạn nhân không thuộc quyền quản lý | Tổng số | Nạn nhân không thuộc quyền quản lý | Tổng số | Nạn nhân không thuộc quyền quản lý | Tổng số | Nạn nhân không thuộc quyền quản lý |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| **1. Tai nạn lao động** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.1. Phân theo nguyên nhân xảy ra TNLĐ4** | | | | | | | | | | | | |
| **a. Do người sử dụng lao động** | | | | | | | | | | | | |
| Không có thiết bị an toàn hoặc thiết bị không đảm bảo an toàn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Không có phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc phương tiện bảo vệ cá nhân không tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổ chức lao động chưa hợp lý |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chưa huấn luyện hoặc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Không có quy trình an toàn hoặc biện pháp làm việc an toàn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều kiện làm việc không tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **b. Do người lao động** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Vi phạm nội quy, quy trình, quy chuẩn, biện pháp làm việc an toàn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **c. Khách quan khó tránh/ Nguyên nhân chưa kể đến** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. 2. Phân theo yếu tố gây chấn thương5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.3. Phân theo nghề nghiệp6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **....** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39****Luật ATVSLĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Tổng số (3=1+2)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Thiệt hại do tai nạn lao động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động (kể cả ngày nghỉ chế độ)** | **Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)** | | | | **Thiệt hại tài sản (1.000 đ)** |
| Tổng số | Khoản chi cụ thể của cơ sở | | |
| Y tế | Trả lương trong thời gian Điều trị | Bồi thường /Trợ cấp |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_